



# QUỸ ĐẦU TƯ

# VF1

Tháng 5/2014

## THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVF1
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VNĐ
Ngày bắt đầu hoạt động	20/05/2004
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	08/10/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN.
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	HSC, FPT, KIS, SBS, SSI, VCBS, VSC, VCSC, VDSC, VFM
Phí quản lý	1.95%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0.2% tùy vào tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	thứ Năm hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	tái tục đầu tư
Tổng Giá trị tài sản ròng (NAV)	887.7 (tỷ đồng)
Số lượng CCQ đang lưu	42,855,264.1 (CCQ)
NAV/ CCQ cao nhất 12 tháng	23,018.4 (đồng/CCQ)
NAV/ CCQ thấp nhất 12	17,599.0 (đồng/CCQ)

**Bà. Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư**

ĐT: +84 8 38251488 Fax: +84 8 38251489

Email: [ir@vinafund.com](mailto:ir@vinafund.com)

## MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ VFMVF1 tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và thu nhập thông qua việc đầu tư vào danh mục cân bằng và đa dạng gồm các loại chứng khoán vốn, trái phiếu chuyển đổi, chứng khoán nợ trên thị trường Việt Nam.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ sẽ duy trì mục tiêu phân bổ đầu tư khoảng 20% NAV vào chứng khoán nợ và tiền, 80% vào chứng khoán vốn. Cổ phiếu được lựa chọn theo phương pháp bottom-up, dựa trên mô hình kinh doanh, lợi nhuận dài hạn, giá trị tài sản, tiềm năng dòng tiền ổn định, và chất lượng của đội ngũ quản lý. Trong một số trường hợp, Quỹ có thể thay đổi tỷ lệ phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và trái phiếu ở mức +/-10% NAV so với tỷ trọng mục tiêu nhằm nắm bắt tốt nhất cơ hội tăng trưởng hoặc giảm thiểu rủi ro cho danh mục đầu tư.

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ

Thị trường chứng khoán tiếp tục sụt giảm trong tháng 5 với VN-Index rớt 2.8% xuống 562 điểm, giá trị tài sản ròng của mỗi chứng chỉ quỹ VF1 do đó giảm 5.5% trong tháng, tuy nhiên vẫn duy trì tăng trưởng +8.7% kể từ đầu năm. Trong top 5 cổ phiếu đứng đầu danh mục, FPT, VNM và PVD giảm trong khi GAS và HPG tăng nhẹ. Cổ phiếu FPT chiếm 14.6% NAV so với 1.3% trong VN-Index tại ngày 31/5/2014 và đã giảm 14% trong tháng sau khi trả 1,500 đồng cổ tức bằng tiền và 25% bằng cổ phiếu. Do đó FPT gây ảnh hưởng lên VF1 lớn hơn VN-Index với 50% giá trị sụt giảm của danh mục trong kỳ đến từ cổ phiếu này. Tuy nhiên kết quả kinh doanh 4 tháng đầu năm của FPT khá tốt với lợi nhuận trước thuế đạt 760 tỷ đồng, tăng 2% so với cùng kỳ năm ngoái, và P/E ước tính 9.6 tại 31/5/2014.

Ngoài ra cổ phiếu VNM cũng có mức tăng trưởng âm 10% trong tháng do kết quả kinh doanh trong quý 1 không tốt như dự kiến, lợi nhuận giảm 9.4% so với cùng kỳ năm ngoái và ảnh hưởng tiêu cực từ việc doanh nghiệp bị thanh tra giá sữa trong quý 2. Chúng tôi dự báo lợi nhuận VNM năm 2014 đạt 6,958 tỷ đồng, tăng trưởng +6.5% trong năm 2014 với P/E đạt 14.7x tại 31/5/2014.

Trong tháng 5, VF1 đã thanh toán 2 cổ phiếu và giảm tỷ trọng của những cổ phiếu bị vượt tỷ lệ theo quy định của quỹ mở, do đó tỷ trọng tiền mặt cuối kỳ tăng lên 20.7%. Quỹ VF1 duy trì phân bổ tài sản cân bằng theo chiến lược đầu tư với 80% NAV vào cổ phiếu và 20% NAV vào tiền mặt.

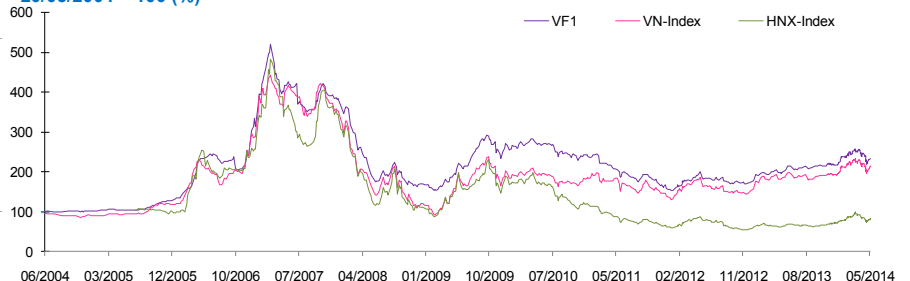
## THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAVCCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (20/5/2004)
<b>VFMVF1</b>	20,713.1	(5.5)	(6.7)	8.7	10.9	107.1 (*)
<b>VN-Index</b>	562.0	(2.8)	(4.2)	11.4	8.4	114.9
<b>HNX-Index</b>	75.8	(5.1)	(8.8)	11.7	17.3	n/a

(\*) Không bao gồm cổ tức đã chốt trả cho nhà đầu tư

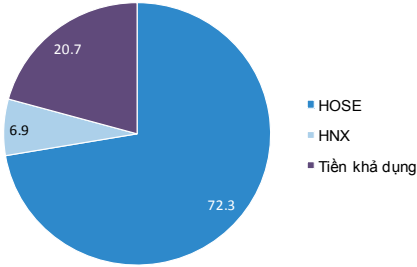
## TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX

20/05/2004 = 100 (%)

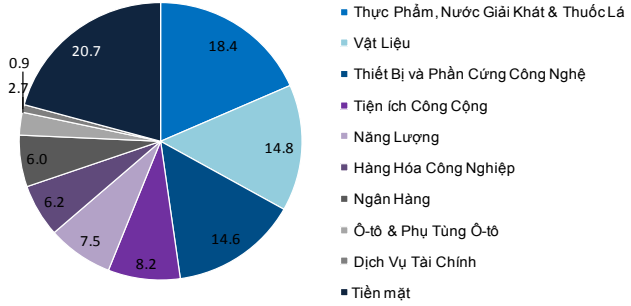




## PHÂN BỐ TÀI SẢN (%NAV)



## CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



## 5 CỔ PHIẾU CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

Cổ phiếu	Nhóm ngành	Sàn giao dịch	Tỷ trọng trong NAV (%)
FPT	Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	HOSE	14.6
VNM	Thực Phẩm, Nước Giải Khát & Thuốc Lá	HOSE	10.7
GAS	Tiện ích Công Cộng	HOSE	8.2
HPG	Vật Liệu	HOSE	6.5
PVD	Năng Lượng	HOSE	5.0

## KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.